

Số: *153* /TCKH

Phước Long, ngày 19 tháng 4 năm 2018

V/v công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý I năm 2018

Kính gửi: - UBND thị xã

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý I năm 2018,

Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý I năm 2018 với nội dung cụ thể như sau:

1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý I năm 2018:

- Cân đối ngân sách thị xã (biểu số 93/CK-NSNN đính kèm).
- Thực hiện thu ngân sách nhà nước quý I năm 2018 (biểu số 94/CK-NSNN đính kèm).
- Thực hiện chi ngân sách nhà nước quý I năm 2018 (biểu số 95/CK-NSNN đính kèm).

2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý I năm 2018:

2.1 Thực hiện thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách địa phương hưởng phát sinh là 117.253.332 ngàn đồng.

Tổng thu NSNN thực hiện: 80.751.960 ngàn đồng, đạt 18% so với dự toán UBND thị xã giao. Trong đó một số lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn đạt kết quả như sau:

- Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh: 12.011.824 ngàn đồng, đạt 20% so với dự toán UBND thị xã giao.
- Thu tiền sử dụng đất: 53.581.094 ngàn đồng, đạt 16,2% so với dự toán UBND thị xã giao.
- Thu lệ phí trước bạ: 6.046.802 ngàn đồng, đạt 24,2% so với dự toán UBND thị xã giao.

2.2 Thực hiện chi ngân sách:

Thực hiện chi NSNN: 112.534.943 ngàn đồng, đạt 22,6% so với dự toán UBND thị xã giao (*Bao gồm chi tạm ứng ngân sách*). Một số khoản chi lớn cụ thể:

- Chi đầu tư XD CB: 62.620.934 ngàn đồng, đạt 22,5% so với dự toán UBND thị xã.

- Chi thường xuyên: 47.064.190 ngàn đồng, đạt 22,1% so với dự toán UBND thị xã giao.

Trên đây là nội dung Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã quý I năm 2018

Phòng Tài chính – Kế hoạch đề nghị UBND thị xã công khai trên trang thông điện tử của UBND thị xã theo quy định về hình thức công khai tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG *lyc*

Phạm Văn Quân

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2018

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh (%)
A	B	C	D	Đ
A	<u>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ</u>	<u>497.470.000</u>	<u>117.253.332</u>	23,6
I	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	356.498.000	60.947.311	17,1
-	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	15.963.000	2.922.159	18,3
-	Thu ngân sách thị xã hưởng từ các khoản thu phân chia	340.535.000	58.025.152	17,0
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	138.972.000	34.550.000	24,9
-	Thu bổ sung cân đối	128.047.000	31.500.000	24,6
-	Thu bổ sung có mục tiêu	10.925.000	3.050.000	27,9
III	Thu quản lý qua ngân sách	2.000.000	820.000	41,0
IV	Thu kết dư	0		
V	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	0	20.936.021	
B	<u>Tổng chi ngân sách</u>	<u>497.470.000</u>	<u>112.534.943</u>	22,6
I	<u>Chi cân đối ngân sách thị xã</u>	<u>495.470.000</u>	<u>109.685.124</u>	22,1
1	Chi đầu tư phát triển	277.940.000	62.620.934	22,5
2	Chi thường xuyên	213.270.000	47.064.190	22,1
3	Dự phòng ngân sách	4.260.000	0	0,0
4	Chi từ kết dư, chuyển nguồn ngân sách cấp xã	0		
II	Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách	2.000.000	820.000	41,0
III	Chi tạm ứng ngân sách		2.029.819	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2018

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh (%)
A	B	C	D	Đ
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	448.063.000	80.751.960	18,0
I	Thu nội địa	446.063.000	79.931.960	17,9
1	Thu từ khu vực DNNN	500.000	579.531	115,9
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	60.000.000	12.011.824	20,0
3	Thuế thu nhập cá nhân	12.000.000	3.704.006	30,9
4	Lệ phí trước bạ	25.000.000	6.046.802	24,2
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	493.000	5.556	1,1
6	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.100.000	2.385	0,1
7	Thu tiền sử dụng đất	330.000.000	53.581.094	16,2
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	500.000	0	0,0
9	Thu phí, lệ phí	6.500.000	2.173.349	33,4
10	Thu khác ngân sách	8.570.000	1.827.413	21,3
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	400.000	0	0,0
II	Thu quản lý qua ngân sách	2.000.000	820.000	41,0
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	356.498.000	60.947.311	17,1
	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	15.963.000	2.922.159	18,3
	Thu ngân sách thị xã hưởng từ các khoản thu phân chia	340.535.000	58.025.152	17,0

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2018

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh (%)
A	B	C	D	Đ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	497.470.000	112.534.943	22,6
	<i>Trong đó:</i>			
I	Chi đầu tư phát triển	277.940.000	62.620.934	22,5
1	Chi đầu tư cho các dự án	277.940.000	62.620.934	22,5
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	213.270.000	47.064.190	22,1
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	101.154.990	24.162.595	23,9
2	Chi khoa học và công nghệ	0		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	6.559.248	1.387.467	21,2
4	Chi văn hóa thông tin	3.424.326	1.197.030	35,0
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	703.066	138.860	19,8
6	Chi thể dục, thể thao	1.160.000	49.280	4,2
7	Chi các hoạt động kinh tế	15.799.522	1.983.905	12,6
8	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể	63.532.099	13.342.109	21,0
9	Chi đảm bảo xã hội	7.642.000	1.805.505	23,6
10	Chi an ninh, quốc phòng	11.395.647	2.482.607	21,8
11	Chi khác ngân sách	1.899.102	514.832	27,1
III	Dự phòng ngân sách	4.260.000	0	0,0
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0	
V	Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách	2.000.000	820.000	41,0
VI	Chi tạm ứng ngân sách		2.029.819	